

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Đại học chính quy)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 450/QĐ-ĐHSPKTV ngày 12 tháng 6 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: SKV

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 117, Đường Nguyễn Viết Xuân, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Nghệ An.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://www.vuted.edu.vn>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0238.3833.002

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh:

<https://tuyensinh.vuted.edu.vn/bai-viet/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-nam-2025.html>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:

7.1. Địa chỉ công khai chương trình đào tạo:

<https://phongdaotao.vuted.edu.vn/tin-tuc-124/chuong-trinh-dao-tao-2102>

7.2. Địa chỉ công khai ngành đào tạo:

<https://phongdaotao.vuted.edu.vn/tin-tuc-184/danh-muc-nganh-dao-tao-ths-dh-cd-2202>

7.3. Địa chỉ công khai đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:

<http://phongktdbcl.vuted.edu.vn/thong-tin-cong-khai-189>

7.4. Địa chỉ công khai cơ sở vật chất:

<http://phongktdbcl.vuted.edu.vn/thong-tin-cong-khai-189>

7.5. Địa chỉ công khai quy mô đào tạo:

<http://phongktdbcl.vuted.edu.vn/thong-tin-cong-khai-189>

7.6. Địa chỉ công khai tỷ lệ sinh viên có việc làm:

<http://phongktdbcl.vuted.edu.vn/thong-tin-cong-khai-189>

7.7. Địa chỉ công khai kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành:

<https://tuyensinh.vuted.edu.vn/bai-viet/ke-hoach-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2025.html>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

1.1. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển, trước khi công bố kết quả chính thức, bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện tuyển sinh

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;

d) Đáp ứng quy định cụ thể về đối tượng và điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh.

1.3. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước và nước ngoài

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2025, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh tuyển sinh theo 4 phương thức xét tuyển:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT – Mã phương thức xét tuyển: 301.

- **Phương thức 2:** Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 – Mã phương thức xét tuyển: 100.

- **Phương thức 3:** Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ) – Mã phương thức xét tuyển: 200.

- **Phương thức 4:** Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 của Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội – Mã phương thức xét tuyển: 402.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh xây dựng ngưỡng đầu vào và công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT. Đối với phương thức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển, ngưỡng đầu vào là điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển theo ngành/chương trình đào tạo. Nhà trường sẽ công bố công khai ngưỡng đầu vào các chương trình đào tạo trên trang thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ: <https://tuyensinh.vuted.edu.vn>.

3.2. Điểm trúng tuyển

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh sẽ căn cứ vào hướng dẫn chung của Bộ GD&ĐT, dữ liệu phân tích điểm trúng tuyển để quyết định công thức quy đổi điểm xét tuyển, điểm trúng tuyển cho tất cả phương thức tuyển sinh đại học chính quy năm 2025. Đối với việc quy đổi điểm giữa kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Nhà trường sẽ sử dụng công thức quy đổi của đơn vị tổ chức thi. Công thức quy đổi điểm sẽ được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường tại địa chỉ: <https://tuyensinh.vuted.edu.vn>.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Mã Phương thức/Mã tổ hợp tuyển sinh	Ghi chú
1	7140246	Sư phạm công nghệ	7140246	Sư phạm công nghệ	70	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, D01, X01, D07 X02, X03	
2	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	65	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, C03, D01, D07, X01, X02	

3	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	30	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, C03, D01, D07, X01, X02	
4	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	65	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, C03, D01, D07, X01, X02	
5	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	45	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, C01, C02, D01, D07, X02, X03	
6	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	120	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, C01, C02, D01, D07, X02, X03	
7	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	90	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, C01, C02, D01, D07, X02, X03	
8	7510202	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy	110	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, C01, C02, D01, D07, X02, X03	

9	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	30	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, C01, C02, D01, D07, X02, X03	
10	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	482	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, C01, C02, D01, D07, X02, X03	
11	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (CN: Nhiệt - điện lạnh)	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (CN: Nhiệt - điện lạnh)	30	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, C01, C02, D01, D07, X02, X03	
12	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	143	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, C01, C02, D01, D07, X02, X03	
13	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông (CN: Thiết kế vi mạch)	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông (CN: Thiết kế vi mạch)	40	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, C01, C02, D01, D07, X02, X03	
14	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	158	PTXT: 100, 200, 301, 402 THM: A00, A01, B00, C01, C02, D01, D07, X02, X03	

Quy định về tổ hợp môn: Các môn trong tổ hợp xét tuyển

A00: Toán, Vật lý, Hóa học

A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh

B00: Toán, Hóa học, Sinh học

C01: Ngữ văn, Toán, Vật lý

C02: Ngữ văn, Toán, Hóa học

C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử

D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

X01: Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật

X02: Toán, Ngữ văn, Tin học

X03: Toán, Ngữ văn, Công nghệ công nghiệp

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Điều kiện về học lực, hạnh kiểm, thành tích đạt được, chứng chỉ ngoại ngữ được quy định cụ thể trong từng phương thức, từng ngành tại mục 6 (Tổ chức tuyển sinh).

5.2. Điểm cộng

Nhà trường cộng điểm thưởng cho thí sinh có thành tích đạt giải Học sinh giỏi Quốc gia; thí sinh là thành viên đội tuyển tham dự kỳ thi chọn Học sinh giỏi Quốc gia hoặc Kỳ thi Khoa học kỹ thuật Quốc gia dành cho học sinh Trung học; thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi Học sinh giỏi cấp Tỉnh hoặc Thành phố trực thuộc Trung ương. Điểm cộng cho các thành tích này được áp dụng cho tất cả các ngành đăng ký xét tuyển. Môn đạt giải để tính điểm cộng là môn có trong tổ hợp xét tuyển của ngành đăng ký xét tuyển.

Lưu ý: Nếu thí sinh có nhiều thành tích thì chỉ được xem xét cộng điểm cho 01 thành tích cao nhất. Thí sinh được cộng điểm thưởng sau khi đã cộng điểm ưu tiên và quy đổi về thang điểm 30. Tổng điểm cộng không quá 03 điểm và tổng điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm. Chi tiết mức điểm cộng cho từng thành tích được quy định tại mục 7.3.

5.3. Các thông tin khác

- Trường không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm trước để tính điểm xét tuyển;

- Xét tuyển theo ngành, chương trình đào tạo và theo nguyên tắc lấy điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu; không phân biệt phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và thứ tự nguyện vọng giữa các thí sinh;

- Điểm xét tuyển theo thang điểm 30 và được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

- Đối với các thí sinh có điểm xét tuyển bằng điểm trúng tuyển, nhưng nếu số lượng thí sinh trúng tuyển vượt chỉ tiêu tuyển sinh được phân bổ cho từng ngành/chương trình đào tạo, Trường sẽ ưu tiên thí sinh theo nguyện vọng đăng ký từ cao xuống thấp (NV1 là NV ưu tiên cao nhất) theo quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Sau khi thí sinh trúng tuyển và nhập học, Trường sẽ tiến hành hậu kiểm hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh. Thí sinh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu kết quả xét tuyển bị ảnh hưởng do có sự sai lệch giữa thông tin trên hồ sơ nhập học với thông tin thí sinh đã khai trên hệ thống đăng ký xét tuyển của Bộ GD&ĐT.

- Trường hợp phương thức xét tuyển nào đó không tuyển đủ chỉ tiêu được phân bổ, Trường sẽ chuyển số chỉ tiêu còn lại sang xét tuyển ở phương thức còn nguồn tuyển.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Đăng ký nguyện vọng và nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên hệ thống

Tất cả thí sinh (bao gồm cả thí sinh được xét tuyển thẳng) phải thực hiện đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trực tuyến, đưa tất cả nguyện vọng xét tuyển (NVXT) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT (sau đây gọi tắt là Hệ thống) trực tiếp tại địa chỉ <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc gián tiếp thông qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, cụ thể:

a) Đăng ký nguyện vọng: Từ ngày 16/7 đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025, thí sinh đăng ký, điều chỉnh, bổ sung NVXT không giới hạn số lần:

- Thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng trên hệ thống;

- Thí sinh sắp xếp các NVXT theo thứ tự từ 01 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất);

- Tất cả các NVXT của thí sinh sẽ được xử lý nguyện vọng trên Hệ thống và mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký khi bảo đảm điều kiện trúng tuyển.

b) Từ ngày 29/7 đến 17 giờ 00 ngày 5/8/2025, thí sinh nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng NVXT bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

c) Xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống: Trước 17 giờ 00 ngày 30/8/2025 tất cả thí sinh trúng tuyển (kể cả thí sinh trúng tuyển thẳng), phải xác nhận nhập học theo đúng thời gian đã thông báo ở trên.

6.2. Tổ chức xét tuyển của từng phương thức:

6.2.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

a) Điều kiện xét tuyển: thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025, được quy định cụ thể tại mục 7 (Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển).

b) Thời gian ĐKXT: trước ngày 30/6/2025.

c) Phương thức đăng ký: thí sinh thực hiện các bước:

- Bước 1: Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại <https://tuyensinh.vuted.edu.vn>. Thí sinh khai báo thông tin theo hướng dẫn của hệ thống.

- Bước 2: Gửi hồ sơ về Bộ phận tuyển sinh – phòng Đào tạo của Trường theo địa chỉ: Số 117, Đường Nguyễn Viết Xuân, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, thí sinh có thể nộp trực tiếp tại Trường (hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện).

Hồ sơ gồm có:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển;

+ Bản sao hoặc bản photo học bạ 3 năm trung học phổ thông lớp 10, lớp 11 và lớp 12 có xác nhận trường THPT (trong trường hợp học bạ năm lớp 12 chưa hoàn tất, được thay thế bằng chứng nhận/bảng điểm kết quả học tập do trường THPT cấp);

+ Bản sao hoặc giấy chứng nhận thành tích đạt được.

d) Thời gian dự kiến xét tuyển và công bố kết quả: 15/7/2025.

e) Thời gian nhập học: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

6.2.2. Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

a) Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT: Thí sinh ĐKXT trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT (hoặc qua Cổng dịch vụ công Quốc gia) theo kế hoạch chung và theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

b) Hình thức nộp hồ sơ ĐKXT: Thí sinh ĐKXT trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT (hoặc qua Cổng dịch vụ công Quốc gia) theo kế hoạch chung và theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

c) Các điều kiện xét tuyển: Thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo ngành xét tuyển của Trường năm 2025.

Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp môn xét tuyển + Điểm ưu tiên + Điểm thưởng

6.2.3. Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

a) Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT: Thí sinh thực hiện việc ĐKXT trên cả hai Hệ thống đăng ký của Trường và Hệ thống của Bộ GD&ĐT, địa chỉ và thời gian đăng ký cụ thể như sau:

- Bước 1: Đăng ký trên Hệ thống của Trường

+ Đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử:

<https://tuyensinh.vuted.edu.vn/xet-tuyen.html>.

+ Thời gian: Từ 12/6/2025 đến 15/7/2025.

- Bước 2: Đăng ký trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT

+ Đăng ký trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

+ Thời gian: Từ 16/7/2025 đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025.

b) Các điều kiện xét tuyển: Thí sinh có ĐXT theo tổ hợp môn xét tuyển đạt từ 18.0 điểm trở lên (theo thang điểm 30). Riêng đối với ngành Sư phạm công nghệ, thí sinh cần đáp ứng thêm điều kiện về học lực, cụ thể: kết quả học tập cả năm lớp 12 được xếp loại học lực loại giỏi trở lên hoặc có điểm trung bình chung các môn văn hóa trong toàn cấp THPT đạt từ 8.0 điểm trở lên.

c) Cách tính điểm xét tuyển: Xét điểm cả năm (ĐCN) các môn học năm lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển.

$$\text{ĐXT} = [\text{ĐCN môn 1} + \text{ĐCN môn 2} + \text{ĐCN môn 3}] + \text{Điểm ưu tiên}$$

6.2.4. Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL) năm 2025 của Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

a) Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT: Thí sinh ĐKXT trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT (hoặc qua Cổng dịch vụ công Quốc gia) theo kế hoạch chung và theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

b) Các điều kiện xét tuyển

- Điểm xét tuyển của thí sinh có điểm ĐGNL năm 2025 của Đại học Quốc Gia Hà Nội được quy về thang 30 và được xác định như sau:

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm ĐGNL} \times 30/150 + \text{Điểm ưu tiên}$$

- Thí sinh có điểm ĐGNL năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội theo các tổ hợp 3 môn tương ứng với tổ hợp môn xét tuyển của phương thức 100.

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm thi quy đổi} + \text{Điểm ưu tiên}$$

7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển

7.1. Chính sách ưu tiên chung

- Chính sách ưu tiên theo khu vực, ưu tiên theo đối tượng được thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Chi tiết việc cộng điểm ưu tiên được áp dụng theo Phụ lục I, Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh được ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT.

- Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số).

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22.5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7.5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng}$$

Thí sinh tốt nghiệp từ năm 2023 trở về trước không được cộng điểm ưu tiên theo khu vực.

7.2. Xét tuyển thẳng

7.2.1. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh thực hiện việc xét tuyển thẳng cho các thí sinh thuộc đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 8 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT. Các thí sinh thuộc đối tượng này được đăng ký xét tuyển vào các ngành có tổ hợp xét tuyển (theo phương thức 100) chứa môn đoạt giải, cụ thể:

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do cơ sở đào tạo quy định.

- Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, cụ thể trong các trường hợp sau:

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; được xét tuyển thẳng vào các ngành phù hợp với nội dung đề tài dự thi.

7.2.2. Căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo, thí sinh được xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây:

a) Thí sinh là người khiếm thị, có học lực từ mức khá trở lên trong 3 năm học THPT, trong đó ba môn đăng ký dự thi đạt từ 7.0 điểm trở lên; thị lực dưới 10% (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Các trường hợp khác, vận dụng điểm a khoản 4 của Quy chế tuyển sinh;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 01 (một) năm học trước khi vào học chính thức;

d) Thí sinh là người nước ngoài, tốt nghiệp chương trình THPT ở nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện), có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, đáp ứng chuẩn năng lực ngoại ngữ trình độ B1 đối với tất cả các ngành học.

7.3. Điểm thưởng cho thành tích vượt trội

a) Đối với thí sinh diện được xét tuyển thẳng tại Mục 7.2 nếu không sử dụng quyền được tuyển thẳng thì khi xét tuyển theo phương thức 100 được cộng tối đa 03 (ba điểm) thưởng vào tổng điểm xét tuyển.

b) Thí sinh là thành viên đội tuyển tham dự kỳ thi Học sinh giỏi quốc gia hoặc cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia; hoặc đoạt giải trong các kỳ thi Học sinh giỏi,

Khoa học kỹ thuật cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương, khi ĐKXT theo phương 100 sẽ được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển theo mức:

- + Giải nhất: được cộng 3.0 điểm.
- + Giải nhì, ba: Được cộng 2.5 điểm.
- + Giải khuyến khích: Được cộng 2.0 điểm.

Môn hoặc lĩnh vực đoạt giải chỉ được tính để cộng điểm nếu thuộc một trong các môn của tổ hợp xét tuyển vào ngành thí sinh đăng ký.

7.4. Ưu tiên xét tuyển

7.4.1. Đối tượng

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế, không dùng để xét tuyển thẳng;
- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung của đề tài dự thi đã đoạt giải.

7.4.2. Tiêu chí/điều kiện xét tuyển

- Thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;
- Có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường;
- Có môn thi đoạt giải phù hợp với danh mục ngành xét tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Thí sinh nộp lệ phí theo quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh cam kết sẽ tiếp nhận, giải quyết khiếu nại của thí sinh kịp thời, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro. Trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo pháp luật của Nhà nước, Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Quy chế tuyển sinh của Trường.

10. Các nội dung khác

10.1. Học phí

Thực hiện theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; đồng thời căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Học phí đại học chính quy trung bình cho năm học 2025-2026:

- Lĩnh vực Máy tính và CNTT, Công nghệ kỹ thuật: 16.457.778 đồng/năm
- Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý: 11.680.000 đồng/năm
- Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên: Miễn học phí theo quy định tại Nghị định 116/2020/NĐ-CP (áp dụng đối với sinh viên được tuyển vào ngành đào tạo giáo viên và cam kết công tác theo quy định).

Lộ trình điều chỉnh học phí sẽ được thực hiện theo Quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 97/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

10.2. Học bổng

- Thực hiện cấp học bổng bằng mức 100% học phí năm thứ nhất đối với thí sinh xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 có tổng điểm theo tổ hợp môn xét tuyển (không cộng điểm ưu tiên) cao; Thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực năm 2025 của Đại học Quốc gia Hà Nội cao; Thí sinh có học lực cả 3 năm THPT xếp loại giỏi trở lên; Thí sinh học tại các trường THPT chuyên; Thí sinh đoạt giải tại các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trở lên của một trong các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Nhà trường.

- Cấp học bổng tương đương 20% học phí toàn khóa học cho các đối tượng: Thí sinh nữ ĐKXT vào các ngành thuộc khối kỹ thuật; thí sinh là con thứ hai trở lên trong gia đình trong đó đã có anh/chị/em ruột đang học tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh; Thí sinh là bộ đội, công an xuất ngũ từ năm 2024 trở đi.

- Cấp học bổng bằng mức 30% học phí toàn khóa học cho các ngành: Kế toán, Quản trị kinh doanh.

10.3. Miễn giảm học phí

Miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, trợ cấp chi phí học tập cho các đối tượng chính sách theo quy định của Nhà nước.

10.4. Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký xét tuyển

- Địa chỉ website của Nhà trường: <https://tuyensinh.vut.edu.vn>
- Thông tin hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:
 - + Hotline: 0966.22.3737; Zalo: 0904941681
 - + facebook: www.facebook.com/truongdhspkvtinh

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	7140246	Sư phạm công nghệ	7140246	Sư phạm công nghệ	100	10	0	20	27	18	19	
2	7140246	Sư phạm công nghệ	7140246	Sư phạm công nghệ	200	20	0	26	40	2	24	
3	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	100	25	2	17	25	4	18	
4	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	200	40	18	18	40	24	18	
5	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	100	0	0	0	10	0	18	
6	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	200	0	0	0	20	0	18	
7	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	100	25	0	17	25	0	18	
8	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	200	40	0	18	40	0	18	

9	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	100	15	1	17	15	4	18	
10	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	200	30	12	18	30	5	18	
11	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	100	50	14	17	50	13	19	
12	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	200	65	94	18	60	98	18	
13	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	100	35	17	17	35	15	18	
14	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	200	50	45	18	55	55	18	
15	7510202	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy	100	60	5	17	45	25	18.5	
16	7510202	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy	200	90	68	18	65	99	18	
17	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	100	10	1	16	10	8	18	
18	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	200	20	19	18	20	13	18	

19	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100	95	51	18	180	84	20	
20	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	200	275	382	19	300	369	19	
21	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (CN: Nhiệt-Điện lạnh)	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (CN: Nhiệt-Điện lạnh)	100	0	0	0	10	10	18	
22	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (CN: Nhiệt-Điện lạnh)	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (CN: Nhiệt-Điện lạnh)	200	0	0	0	20	17	18	
23	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	100	55	22	17	60	33	19.5	
24	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	200	130	162	18	122	134	18	
25	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông (CN: Thiết kế vi mạch)	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông (CN: Thiết kế vi mạch)	100	0	0	0	15	0	18	
26	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông (CN: Thiết kế vi mạch)	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông (CN: Thiết kế vi mạch)	200	0	0	0	25	0	18	

27	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	100	65	25	18	70	43	20	
28	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	200	100	160	19	117	160	19	

Cán bộ tuyển sinh



Lê Thanh Tươi

Số điện thoại: 0904059777

Địa chỉ email: fredleektv@gmail.com

Nghệ An, ngày 12 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phạm Hữu Truyền